

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 26

TRÁ
1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quang Nam	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2010)
Ông Trịnh Thanh Bình	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2010) (miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2010)
Ông Dương Minh Đức	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2010)
Ông Phùng Tuấn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Sĩ Đàm	Ủy viên
Ông Lê Thuận Khương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Tuấn Hà	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Số: 415 /Deloitte-AUDHN -RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") từ trang 3 đến trang 26. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

Thành viên
Deloitte Touche Tohmatsu Limited

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.297.319.863.843	957.283.948.984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	301.382.733.411	43.640.504.136
1. Tiền	111		173.733.983.411	43.640.504.136
2. Các khoản tương đương tiền	112		127.648.750.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		869.368.836.589	905.833.981.740
1. Phải thu khách hàng	131		6.265.206.894	4.577.500.725
2. Trả trước cho người bán	132		30.041.979.062	12.944.843.311
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		809.197.546.757	892.662.942.721
4. Các khoản phải thu khác	135		29.455.903.876	3.645.087.081
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.591.800.000)	(7.996.392.098)
III. Hàng tồn kho	140		73.371.691.101	-
1. Hàng tồn kho	141	7	73.371.691.101	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.196.602.742	7.809.463.108
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	209.449.514
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.136.024.168	6.181.513.020
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		581.811.263	968.021.324
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		478.767.311	450.479.250
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		950.057.676.350	545.298.678.155
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.930.229.527	-
1. Phải thu nội bộ dài hạn	212		18.930.229.527	-
II. Tài sản cố định	220		118.685.434.394	119.683.513.071
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	13.164.423.011	15.669.790.218
- Nguyên giá	222		37.005.175.658	46.387.439.092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.840.752.647)	(30.717.648.874)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	98.568.133.545	98.385.491.902
- Nguyên giá	228		98.808.373.269	98.469.316.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(240.239.724)	(83.824.367)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	6.952.877.838	5.628.230.951
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		468.795.043.285	424.177.136.308
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	376.179.582.059	423.530.520.812
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	16.500.000.000	21.450.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	13	112.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(35.884.538.774)	(20.803.384.504)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		343.646.969.144	1.438.028.776
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	339.785.096.073	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	2.591.873.071	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.270.000.000	1.438.028.776
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.247.377.540.193	1.502.582.627.139

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		803.224.132.001	385.844.288.712
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		803.224.132.001	385.844.288.712
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		713.377.408.637	353.604.479.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		89.846.723.364	32.239.808.762
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	254.644.784.101	207.283.275.049
7. Chi phí tài chính	22	21	81.679.192.819	62.079.876.529
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		63.309.737.172	53.731.307.638
8. Chi phí bán hàng	24		29.111.961.221	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45.875.397.971	59.124.826.183
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		187.824.955.454	118.318.381.099
11. Thu nhập khác	31		404.724.637	34.883.734.455
12. Chi phí khác	32		3.136.612.074	31.391.492.070
13. (Lỗ)/ lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.731.887.437)	3.492.242.385
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		185.093.068.017	121.810.623.484
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	1.807.357.640	-
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	22	(2.591.873.071)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		185.877.583.448	121.810.623.484



Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	185.093.068.017	121.810.623.484
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.190.035.810	1.668.172.569
Các khoản dự phòng	03	12.676.562.173	5.449.662.643
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(85.089.988.973)	(67.651.889.719)
Chi phí lãi vay	06	63.309.737.172	53.731.307.638
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	178.179.414.199	115.007.876.615
(Tăng) các khoản phải thu	09	39.515.229.025	(78.520.750.776)
(Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10	(73.371.691.101)	692.734.048
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	567.091.066.443	(2.838.661.966)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(342.208.940.368)	(155.911.778)
Tiền lãi vay đã trả	13	(63.309.737.172)	(53.731.307.638)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.349.946.868)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.666.556.720)	(5.914.079.980)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	297.878.837.438	(25.460.101.475)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.321.023.752)	(29.687.068.474)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	404.715.822	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	17.641.827.882
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(91.284.424.078)	(131.250.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	55.942.172.059
7. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	25.969.895.553	67.651.889.719
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(69.230.836.455)	(19.701.178.814)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	219.938.142.250	139.769.700.697
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32	(477.000.000)	(2.335.000.000)
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.924.824.340.119	3.264.987.236.565
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.048.947.054.077)	(3.277.415.088.945)
5. Tiền chi trả cổ tức	36	(66.244.200.000)	(47.639.895.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	29.094.228.292	77.366.953.117
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	257.742.229.275	32.205.672.828
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	43.640.504.136	11.434.831.308
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	301.382.733.411	43.640.504.136



Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Kadal

Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam").

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.338 (31 tháng 12 năm 2009: 2.542).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư, đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp, sản xuất bao bì từ nhựa tổng hợp, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp; sản xuất bao bì, phân bón; buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh; buôn bán nhựa tổng hợp; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2010 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25-33

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là khoản trả trước tiền thuê văn phòng. Đây là số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 4.844,36 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết. Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các công ty con là công ty TNHH một thành viên nếu có lãi sẽ thực hiện kết chuyển lợi nhuận trong năm về Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS10 làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 tăng 9.620.305.648 VND (năm 2009 giảm 2.862.486.419 VND) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-DVTHDK ngày 21 tháng 4 năm 2010, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

10/11/10
M
10/11/10

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ SỐ DƯ ĐẦU KỲ

Dưới đây là một số chỉ tiêu chủ yếu đã thay đổi do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị: VND

Bảng cân đối kế toán

	Số báo cáo 31/12/2009	Số liệu 31/12/2009 điều chỉnh lại	Chênh lệch	Tham chiếu
Phải thu nội bộ ngắn hạn	871.859.558.217	892.662.942.721	20.803.384.504	<1>
Đầu tư vào công ty con	415.665.220.717	423.530.520.812	7.865.300.095	<2>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(20.803.384.504)	(20.803.384.504)	<1>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	109.560.751.459	117.426.051.554	7.865.300.095	<2>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Số báo cáo năm 2009	Số liệu năm 2009 điều chỉnh lại	Chênh lệch	Tham chiếu
Doanh thu tài chính	189.479.172.350	207.283.275.049	17.804.102.699	<3>
Chi phí tài chính	44.275.773.830	62.079.876.529	17.804.102.699	<3>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	66.990.126.278	59.124.826.183	(7.865.300.095)	<4>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ SỐ DƯ ĐẦU KỲ (Tiếp theo)

Tham chiếu	Diễn giải	Số tiền VND
<1>	Khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (Petrosetco Trading) và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (Petrosetco Sài Gòn) được kết chuyển toàn bộ về Tổng Công ty thay vì Tổng Công ty phải trích lập dự phòng và số lỗ lũy kế vẫn phải theo dõi tại hai đơn vị nêu trên. Thực hiện điều chỉnh số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bằng cách tăng khoản mục "Phải thu nội bộ ngắn hạn" và tăng khoản mục "Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn".	20.803.384.504
<2>	Khoản lợi thế thương mại phát sinh khi Tổng Công ty mua Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển (POTS) và Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản Dầu khí (PVA). Tổng Công ty phân bổ toàn bộ giá trị lợi thế thương mại này vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2009 thay vì theo dõi là khoản đầu tư vào Công ty con. Thực hiện điều chỉnh số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bằng cách tăng khoản mục "Đầu tư vào công ty con" và tăng khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối".	7.865.300.095
<3>	Là số lỗ năm 2009 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (Petrosetco Trading) và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (Petrosetco Sài Gòn) kết chuyển về Tổng Công ty. Tổng Công ty đã ghi âm doanh thu hoạt động tài chính. Thực hiện điều chỉnh hồi tố bằng cách tăng khoản mục "Doanh thu tài chính" (ghi ngược số tiền Tổng Công ty đã hạch toán); ghi tăng khoản mục "Chi phí tài chính" (số tiền trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính năm 2009).	17.804.102.699
<4>	Tổng Công ty phân bổ toàn bộ giá trị lợi thế thương mại (tại tham chiếu số 2) vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2009 thay vì theo dõi là khoản đầu tư vào Công ty con. Điều chỉnh hồi tố bằng cách ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2009.	(7.865.300.095)

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt	82.285.325	39.908.545
Tiền gửi ngân hàng	173.651.698.086	43.600.595.591
Các khoản tương đương tiền	127.648.750.000	-
	<u>301.382.733.411</u>	<u>43.640.504.136</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	15.870.090.478	-
Hàng hóa	49.414.425.030	-
Hàng gửi đi bán	8.087.175.593	-
	<u>73.371.691.101</u>	<u>-</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Dụng cụ, quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	37.465.643.436	2.380.419.876	4.585.003.835	1.956.371.945	46.387.439.092
Mua trong năm			1.671.977.861	985.342.004	2.657.319.865
Thanh lý	10.072.698.225	321.355.503	844.793.800	800.735.771	12.039.583.299
Tại ngày 31/12/2010	<u>27.392.945.211</u>	<u>2.059.064.373</u>	<u>5.412.187.896</u>	<u>2.140.978.178</u>	<u>37.005.175.658</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	24.674.664.978	1.930.267.301	3.204.581.870	908.134.725	30.717.648.874
Khấu hao trong năm	837.925.622	210.861.043	442.529.373	542.304.415	2.033.620.453
Phân loại lại	-	-	4.463.400	(4.463.400)	-
Thanh lý	7.140.242.651	295.077.158	825.053.476	650.143.395	8.910.516.680
Tại ngày 31/12/2010	<u>18.372.347.949</u>	<u>1.846.051.186</u>	<u>2.826.521.167</u>	<u>795.832.345</u>	<u>23.840.752.647</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	<u>9.020.597.262</u>	<u>213.013.187</u>	<u>2.585.666.729</u>	<u>1.345.145.833</u>	<u>13.164.423.011</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>12.790.978.458</u>	<u>450.152.575</u>	<u>1.380.421.965</u>	<u>1.048.237.220</u>	<u>15.669.790.218</u>

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 5.886.303.189 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 5.886.303.189 VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	98.337.309.381	132.006.888	98.469.316.269
Tăng trong năm	-	339.057.000	339.057.000
Tại ngày 31/12/2010	98.337.309.381	471.063.888	98.808.373.269
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	-	83.824.367	83.824.367
Khấu hao trong năm	-	156.415.357	156.415.357
Tại ngày 31/12/2010	-	240.239.724	240.239.724
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	98.337.309.381	230.824.164	98.568.133.545
Tại ngày 31/12/2009	98.337.309.381	48.182.521	98.385.491.902

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2010	2009
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.628.230.951	92.545.425.719
Tăng trong năm	30.166.951.644	28.230.094.898
Kết chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	5.652.730.435
Kết chuyển sang chi phí	-	33.874.118.449
Giảm khác trong năm	28.842.304.757	75.620.440.782
Tại ngày 31 tháng 12	6.952.877.838	5.628.230.951
Chi tiết theo công trình		
	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	1.775.291.000	1.775.291.000
Cải tạo Khách sạn Holiday Mansion - 12, Trương Công Định - Vũng Tàu	3.673.394.059	2.909.377.000
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Dung Quất	1.504.192.779	943.562.951
	6.952.877.838	5.628.230.951

11. ĐÀU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Petrosetco Vũng Tàu") được thành lập tại thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000231 ngày 03 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Petrosetco Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Biển, Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và Chi nhánh Tổng Công ty tại Vũng Tàu. Ngày 12 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty quyết định sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (PBC) vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500835690 ngày 25 tháng 10 năm 2010. Thời điểm sát nhập kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Công ty Cổ phần Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PBC”) được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 491032000093 ngày 28 tháng 6 năm 1994 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ngày 27 tháng 5 năm 2010, Tổng Công ty đã hoàn thành việc thanh toán mua thêm 30% cổ phần của PBC tăng tỷ lệ góp vốn tại PBC từ 50% lên 80% theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 8 số 491021000093 ngày 14 tháng 5 năm 2010 và đổi hình thức sở hữu từ Công ty cổ phần sang Công ty TNHH. Ngày 01 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty mua lại 20% vốn góp của Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu (Tradoco) tại PBC đồng thời chuyển PBC thành Công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 491041000093 ngày 11 tháng 10 năm 2010. Ngày 12 tháng 10 năm 2010 Tổng Công ty quyết định sáp nhập PBC vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng tàu (Petrosetco Vũng Tàu). Thời điểm sáp nhập kể ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Phân phối”) được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Trading”) được thành lập trên cơ sở Chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003173 ngày 14 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Sài Gòn”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và Xí nghiệp Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ lữ hành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003310 ngày 25 tháng 01 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 05 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là “PSMT”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Khách sạn PetroVietnam - Sông Trà và Chi nhánh Tổng Công ty tại Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000191 ngày 29 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là “POTS”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000765 ngày 13 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVA”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002191 ngày 12 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Petro Hà Nội”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000100 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong năm, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng Petro Hà Nội từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), theo đó Petro Hà Nội trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Công ty Cổ phần Bao Bì Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PSP”) thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty TNHH PETROSETCO SSG (sau đây gọi tắt là “PSSSG”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310511124 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Vốn điều lệ đã đăng ký	Số tiền đầu tư vào Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ
	31/12/2010	31/12/2010		
	VND	VND	%	%
Petrosetco Trading	39.500.000.000	39.500.000.000	100	100
Petrosetco Sài Gòn	10.400.000.000	10.400.000.000	100	100
Petrosetco Vũng Tàu (i)	32.400.000.000	33.741.999.232	100	100
PSMT	66.500.000.000	66.500.000.000	100	100
Petrosetco Phân phối	92.000.000.000	92.000.000.000	100	100
POTS (i)	30.000.000.000	31.681.662.678	100	100
PVA (i)	50.000.000.000	56.183.637.417	100	100
Petro Hà Nội (i)	18.410.685.729	30.362.282.732	100	100
PSP	25.000.000.000	12.750.000.000	51	51
PSSSG (ii)	450.000.000.000	3.060.000.000	51	51
	814.210.685.729	376.179.582.059		

(i) Phát sinh lợi thế thương mại khi thực hiện hợp nhất kinh doanh các đơn vị vào Tổng Công ty.

(ii) Thực hiện góp vốn theo tiến độ, tỉ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSSSG là 51%.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	16.500.000.000	16.500.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (i)	-	4.950.000.000
	16.500.000.000	21.450.000.000

(i) Ngày 27 tháng 5 năm 2010, Tổng Công ty đã hoàn thành việc thanh toán mua thêm 30% cổ phần của Công ty Cổ phần Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (PBC) tăng tỷ lệ góp vốn tại PBC từ 50% lên 80% theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 8 số 491021000093 ngày 14 tháng 5 năm 2010 và chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty cổ phần sang Công ty TNHH. Ngày 01 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty mua lại 20% vốn góp của Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu (Tradoco) tại PBC đồng thời chuyển PBC thành Công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 491041000093 ngày 11 tháng 10 năm 2010. Ngày 12 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty quyết định sáp nhập PBC vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (Petrosetco Vũng Tàu). Thời điểm sáp nhập kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí (PV-Building)	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Tổng tài sản	66.176.185.625
Tổng nợ phải trả	2.618.610.153
Tài sản thuần	63.557.575.472
Phần tài sản thuần trong Công ty liên kết	19.067.272.642
	<u>2010</u>
	VND
Doanh thu	42.297.176.097
Lợi nhuận thuần	6.360.351.487
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	1.908.105.446

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Trong năm 2010, Tổng Công ty giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) từ 51% xuống 14%. Theo đó, trong báo cáo tài chính này, khoản đầu tư vào PCB sẽ được phân loại là đầu tư tài chính dài hạn khác. Số dư khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 112.000.000.000 VND.

14. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	32.911.383.009	20.567.332.868
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí	2.973.155.765	236.051.636
	<u>35.884.538.774</u>	<u>20.803.384.504</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	339.785.096.073	-
	<u>339.785.096.073</u>	<u>-</u>

(i) Chi phí trả trước dài hạn là khoản trả trước tiền thuê văn phòng, thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 4.844,36 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	10.367.492.280	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	-
	<u>2.591.873.071</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại ChinaTrust - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	107.505.313.717
Ngân hàng Indochina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	277.140.531.020	133.129.411.112
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	88.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	213.931.600.000	12.211.911.235
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	100.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	180.610.474.322
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.581.558.972	7.581.558.971
	<u>498.653.689.992</u>	<u>629.038.669.357</u>

(i) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành tín dụng thư. Các khoản vay của Tổng Công ty được thực hiện bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với tổng hạn mức là 1.010 tỷ đồng và 15 triệu đô la Mỹ (USD). Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất lãi tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất điều chỉnh theo lãi suất thỏa thuận. Số dư các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 7.581.558.972 VND và 25.938.735 USD.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	18.930.229.527	26.535.456.400
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	3.500.000.000	-
	<u>22.430.229.527</u>	<u>26.535.456.400</u>

Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn 58 tỷ VND với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88%. Khoản vay có thời hạn vay tối đa là sáu năm và sẽ được hoàn trả nửa năm một lần sau thời gian ân hạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư của khoản vay dài hạn và đến hạn trả là 26.511.788.499 VND (31 tháng 12 năm 2009: 34.117.015.371 VND).

Ngày 20 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với số tiền 9.700.000.000 VND nhằm mục đích cải tạo, sửa chữa Khách sạn Holiday Mansion tại Vũng Tàu, lãi suất sẽ được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản số 12 Trương Công Định, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc sở hữu của Tổng Công Ty và lãi suất được quy định tại mỗi kế ước nhận nợ. Thời gian vay là 84 tháng kể từ kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.581.558.972	7.581.558.971
Trong năm thứ hai	11.081.558.972	7.581.558.971
Từ năm thứ ba trở đi	11.348.670.555	18.953.897.429
	30.011.788.499	34.117.015.371
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	7.581.558.972	7.581.558.971
Số phải trả sau 12 tháng	22.430.229.527	26.535.456.400

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Trong năm, Tổng Công ty cũng đã mua lại 47.700 cổ phần làm cổ phiếu quỹ với giá trị là 477.000.000 VND. Tổng số cổ phần làm cổ phiếu quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 281.200 cổ phần với giá trị 2.812.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 233.500 cổ phần làm cổ phiếu quỹ với giá trị là 2.335.000.000 VND).

Theo Nghị quyết số 10/NQ-DVTHDK ngày 21 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định tỷ lệ trích các quỹ năm 2010 từ lợi nhuận sau thuế của toàn Tổng Công ty như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 10%
- Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ: 5%
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 7%

Trong năm, Tổng Công ty đã trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ với tỷ lệ như trên từ lợi nhuận sau thuế với tổng giá trị là 44.993.746.419 VND.

Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã phê chuẩn việc chia cổ tức từ lợi nhuận của năm 2009 với số tiền là 66.244.200.000 VND. Trong năm 2010, số cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	246.092.850.000	35,24	246.092.850.000	44,36
Các Cổ đông khác	452.327.150.000	64,76	308.627.150.000	55,64
	698.420.000.000	100	554.720.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	90.336.154.632	67.651.889.719
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	270.502.337	2.095.569.266
Lợi nhuận chuyển từ Công ty con	164.038.127.132	137.531.059.769
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.756.295
	254.644.784.101	207.283.275.049

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	63.309.737.172	53.731.307.638
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.387.601.377	5.140.946.015
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(20.889.125.045)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	15.081.154.271	17.804.102.699
Chi phí tài chính khác	900.699.999	6.292.645.222
	81.679.192.819	62.079.876.529

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010	2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	185.093.068.017	121.810.623.484
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>9.621.446.141</i>	<i>(7.865.300.095)</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.756.146.046	
- Điều chỉnh hồi tố lợi thế thương mại (thuyết minh số 5)	7.865.300.095	(7.865.300.095)
<i>Cộng: Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2010</i>	<i>10.367.492.280</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>190.623.145.317</i>	<i>119.726.957.070</i>
- Lợi nhuận chuyển về từ công ty con	164.038.127.132	137.531.059.769
- Chuyển lỗ của năm 2009	5.781.633.681	-
- Dự phòng đầu tư vào công ty con năm 2009	17.804.102.699	(17.804.102.699)
- Dự phòng đầu tư vào công ty con năm 2008	2.999.281.805	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	14.458.861.121	(5.781.633.681)
Trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25% x 50%</i>	<i>16.294.584.534</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25%</i>	<i>(1.835.723.413)</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.807.357.640	-
Thuế thu nhập hoãn lại (xem Thuyết minh số 16)	(2.591.873.071)	-
	(784.515.431)	-

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 04 tháng 11 năm 2010, Tổng Công ty ký hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng diện tích thuê là 4.844,36 m² của tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010. Tổng số tiền Tổng Công ty còn phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 308.071.808.984 VND.

Theo Nghị quyết số 02/NQ-DVTHDK ngày 17 tháng 02 năm 2011, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thông qua phương án vay vốn tại Tổng công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam (PVFC) với số tiền 700 tỷ VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2011.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Bán hàng/cung cấp dịch vụ		
Các đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	44.660.828.922	51.966.306.595
Vay vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	428.770.524.662
Trả nợ vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	7.581.558.972	403.790.779.486
Góp vốn trong năm		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-
Mua hàng		
Mua hàng hóa Các đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí	777.669.719.770	-
Mua dịch vụ	15.713.221.298	-

Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Lương	2.251.141.091	2.338.997.353
Tiền thưởng	996.765.170	1.711.000.000
Các khoản phúc lợi khác	42.924.690	118.000.000
	<u>3.290.830.951</u>	<u>4.167.997.353</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải thu		
Phải thu từ các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	4.313.293.034
Phải thu khác		
Phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	25.227.041.122	-
Người mua trả tiền trước		
Phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.597.850.659	-
Phải trả khác		
Phải trả khác cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.371.953.353	-
Phải trả khác cho các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	75.000.000
Phải trả		
Phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	308.071.808.984	-
Phải trả cho các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	213.595.270.312	54.364.571.128
Trả trước cho người bán		
Phải thu từ các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	20.918.202.888	-
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	26.511.788.499	34.117.015.371

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 37/NQ-DVTHDK ngày 29 tháng 10 năm 2010, Đại hội đã thông qua phương án tái cấu trúc các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty, theo đó thực hiện chuyển các đơn vị TNHH MTV của Tổng Công ty thành Công ty Cổ phần, bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco Phân phối)
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển (POTS) (*)
- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT)
- Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PVA)
- Sáp nhập Công ty TNHH MTV Chế biến suất ăn và thương mại Dầu khí (PBC) vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp dầu khí Vũng Tàu (Petrosetco Vũng Tàu) và chuyển thành Công ty cổ phần.

(*) Theo Nghị Quyết số 03/NQ-DVTHDK ngày 19 tháng 02 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển được chuyển thành Chi nhánh Tổng Công ty. Ngày 07 tháng 3 năm 2011, Hội đồng Quản trị đã có quyết định chính thức về việc thành lập chi nhánh này.

Ngày 01 tháng 01 năm 2011, PSMT chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300368426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số vốn điều lệ là 107 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 66% vốn điều lệ tương ứng với 66,34 tỷ VND.

Ngày 01 tháng 01 năm 2011, Petrosetco Vũng Tàu chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 3500835690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ là 60 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng với 48 tỷ VND.

Ngày 18 tháng 01 năm 2011, PVA chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102471424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 68 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng với 54,4 tỷ VND.

Năm 2011, Tổng Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (Petro Hà Nội) theo Nghị quyết số 41/NQ- DVTHDK ngày 30 tháng 11 năm 2010 Hội đồng Quản trị.

Ngày 16 tháng 8 năm 2010 Tổng công ty đã hoàn thành việc tiếp nhận bộ phận dịch vụ đời sống thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất và Công ty TNHH MTV Kinh doanh cung ứng dịch vụ Hàng hải Vinashin, việc tiếp nhận được thực hiện theo nguyên tắc tiếp nhận nguyên trạng. Đến thời điểm hiện tại, các số liệu liên quan đến việc tiếp nhận chưa được ghi nhận trên sổ kế toán của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của năm nay.

Khoản mục	Số trước phân loại	Số sau phân loại	Chênh lệch
	lại 31/12/2009	lại 31/12/2009	
	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi - mã số 431	7.285.324.149	-	7.285.324.149
Quỹ khen thưởng phúc lợi - mã số 323	-	7.285.324.149	(7.285.324.149)

Theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”: Tài khoản 431 - “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” được đổi thành Tài khoản 353 - “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”. Đồng thời, “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” sẽ trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại khoản mục “Nợ phải trả” với mã số 323 thay vì trình bày tại khoản mục Nguồn vốn với mã số 431.



Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011